TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-5-2025
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Sơn Thị Hoa Lan**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Bé**.

Bà **Lê Thị Cúc Hoa**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Phước Thành** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh**, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 183/2025/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 01 năm 2025, về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 và quyết định hoãn phiên toà số: 33/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 04 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Võ Hằng N**, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Kinh X, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Thanh Ngh**, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Kinh X, xã Hiếu T, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/12/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Võ Hằng N trình bày có nội dung:

Vào năm 2011, chị xác lập quan hệ vợ chồng với anh Trần Thanh Ngh, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh vào ngày 25/4/2011.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung: Cháu Trần Võ Khánh H, sinh ngày 11/01/2012 hiện đang sống chung với chị. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có. Nguyên nhân mâu thuẫn: Do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi qua lại với nhau, anh Ngh không quan tâm chăm sóc đến gia đình, Chị N đã nhiều lần cho anh Ngh cơ hội để hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không hàn gắn được. Chị và anh Ngh đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay, chị thấy không còn tình cảm với anh Ngh.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề cụ thể như sau: Về hôn nhân: Chị N yêu cầu được ly hôn với anh Ngh. Về con chung: Chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Võ Khánh H, sinh ngày 11/01/2012, Chị N không yêu cầu anh Ngh cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Chị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn anh Trần Thanh Ngh vắng mặt không có lời trình bày.

Đối với bị đơn anh Ngh đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; triệu tập hợp lệ nhưng anh Ngh không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa xét xử, nên Tòa án không lấy lời khai của bị đơn được và bị đơn cũng không nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gì để phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị N.

Vì vậy Tòa án không kết luận được những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất và không thống nhất.

- *Cháu Trần Võ Khánh H có lời trình bày:*

Cháu là con của bà Võ Hằng N và ông Trần Thanh Ngh, nay bà Ni, ông Nghiêm ly hôn, cháu Hưng có nguyện vọng sống chung với mẹ là bà Võ Hằng N.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự là

vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Hằng N được ly hôn với anh Trần Thanh Ngh; về con chung: Giao cháu Trần Võ Khánh H, sinh ngày 11/01/2012 cho chị Võ Hằng N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Hưng muốn sống chung với Chị N. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Thanh Ngh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N xác lập quan hệ hôn nhân với anh Ngh vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh vào ngày 25/4/2011 đúng theo quy định của pháp luật, cho nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

[3] Theo Chị N trình bày thì trong thời gian sinh sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng sống chung không hòa hợp tính tình, đồng thời chị và anh Ngh thường xuyên cự cãi. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn quan tâm, lo lắng đến nhau. Chị và anh Ngh đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Ngh đến giải quyết vụ án nhưng anh Ngh cố tình vắng mặt không có lý do, đáng lẽ ra anh Ngh muốn hàn gắn tình cảm với Chị N thì khi Tòa án triệu tập thì anh phải có mặt trình bày nguyện vọng của mình để Tòa án xem xét, nhưng ngược lại anh bỏ mặc, không quan tâm đến việc giải quyết vụ án thể hiện ý chí của anh xem thường, không chấp hành yêu cầu của Tòa án cũng như không quan tâm đến việc hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này với Chị N. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc Chị N yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngh là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Cháu Trần Võ Khánh H, sinh ngày 11/01/2012 hiện đang sống chung với Chị N được phát triển đầy đủ về mọi mặt, cháu Trần Võ Khánh H có nguyện vọng sống chung với Chị N. Để đảm bảo các cháu được tiếp tục phát triển về mọi mặt và cũng không làm xáo trộn cuộc sống của cháu Hưng, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cho Chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, là phù hợp với nguyện vọng của cháu Hưng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết, đối với anh Ngh thì không có ý kiến gì phản đối, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị N khai không có, đối với anh Ngh thì không có ý kiến gì phản đối, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[9] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Ngh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Hằng N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Hằng N được ly hôn với anh Trần Thanh Ngh.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Võ Khánh H, sinh ngày 11/01/2012 cho chị Võ Hằng N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, là phù hợp với nguyện vọng của cháu Hưng muốn sống chung với Chị N. Anh Ngh không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị N không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn

chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Hằng N phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006557, ngày 17/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần; Chị N đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Ủy ban nhân dân xã Hiếu Tử
(chứng nhận kết hôn ngày 25/4/2011);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Thị Hoa Lan